

Số: /KH-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH Chuyển đổi số năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024; Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Sở KH&CN tiếp tục xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số một cách tổng thể, toàn diện; đưa các hoạt động của Sở lên môi trường số, đảm bảo an toàn thông tin; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số để thay đổi mô hình quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp KH&CN, phương thức sống, làm việc của người dân, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

Cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra trong Kế hoạch số 146/KH-UBND ngày 28/6/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 433-NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025; Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 364/KH-UBND ngày 22/6/2022 về phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Phát triển Chính quyền số

- Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt trên 90%.
- Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa đạt trên 60%.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%.
- Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa đạt 100%.
- Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt trên 95%.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đạt 100%.
- Trên 30% hoạt động kiểm tra của Sở được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 100% các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b. Phát triển kinh tế số

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ 100% sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

c. Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Sở cài đặt và sử dụng VneID và định danh điện tử mức độ 2 đạt 100%; tỷ lệ sử dụng ứng dụng ngân hàng điện tử, ví điện tử hoặc của các tổ chức cho phép khác để thanh toán không dùng tiền mặt đạt 100%; tỷ lệ có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

Tổ chức phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số tới 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở. Tuyên truyền Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2024 phù hợp với tình hình cơ quan và bám sát ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024; kết quả thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động nghiên cứu-ứng dụng KH&CN đến người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền về các bài toán chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương tham khảo tại địa chỉ: <https://c63.mic.gov.vn>. Chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm hay, mô hình về chuyển đổi số liên quan đến CQNN, doanh nghiệp, người dân để nghiên cứu, áp dụng cho cơ quan.

Phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thuộc Sở tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số; tuyên truyền lợi ích khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, mua sắm trực tuyến và sử dụng các nền tảng số, công nghệ số trong cuộc sống hằng ngày và tăng cường sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số.

Cung cấp, xây dựng tin bài đăng tải lên Cổng thông tin điện tử đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thể chế số

Kịp thời xây dựng, công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng thủ tục hành chính; tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

3. Hạ tầng số

Rà soát, đăng ký nhu cầu mua sắm trang thiết bị CNTT của Sở nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; thường xuyên bảo trì, nâng cấp các thiết bị đã được đầu tư trước đây nhằm đảm bảo việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

Duy trì tốt hệ thống mạng chuyên dùng, mạng internet tốc độ cao; sử dụng thường xuyên, có hiệu quả đối với hệ thống phòng họp trực tuyến của Sở.

4. An toàn thông tin mạng

Tiếp tục xây dựng, trình phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trong các cơ quan nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTG ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Tham gia đầy đủ các hoạt động diễn tập ứng cứu sự cố, diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2024.

Thực hiện giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông để xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

5. Chính quyền số

Đẩy mạnh việc sử dụng hiệu quả các ứng dụng dùng chung của tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc (trong đó có hệ thống theo dõi các nhiệm vụ được giao), Hệ thống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng. Thực hiện nghiêm túc việc sử dụng chữ ký số trong gửi nhận văn bản điện tử.

Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử của sở, đơn vị trực thuộc đáp ứng các quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh hiện trường của Trung tâm giám

sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh Bắc Giang.

Bảo đảm tương tác giữa với tổ chức, cá nhân thông qua các phương tiện số, tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin phản ánh, kiến nghị.

Khai thác sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để bồi dưỡng tập huấn về chuyển đổi số.

Khai thác hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh; Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

Tổ chức đánh giá chấm điểm công tác xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 trên phần mềm đánh giá kết quả, xây dựng áp dụng HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Tham mưu đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0; triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh về chuyển đổi số; tra cứu thông tin trực tuyến các sáng kiến cấp tỉnh, nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên nền tảng mạng; triển khai hoạt động nghiên cứu-ứng dụng xây dựng mô hình đô thị thông minh.

II. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong CBCCVC. Tuyên truyền kết quả thực hiện chuyển đổi số trong nghiên cứu KH&CN. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: cập nhật thông tin qua chuyên trang, chuyên mục, các cuộc họp giao ban định kỳ, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh. Đẩy mạnh thanh toán điện tử phí, lệ phí để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt.

Phối hợp doanh nghiệp bưu chính công ích cung cấp dịch vụ công (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số...

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của Trưởng các phòng, đơn vị trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số” tại Sở.

2. Tham gia kiến tạo thể chế về chuyển đổi số

Thường xuyên tổ chức rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy

phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ để tạo điều kiện thuận lợi trong chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, internet và không gian mạng. Rà soát, chỉnh sửa, ban hành kịp thời quy trình iso, quy trình điện tử đối với giải quyết thủ tục hành chính của Sở.

Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển Chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các CQNN theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

3. Xây dựng hạ tầng số

Rà soát, bổ sung mua sắm trang thiết bị mạng, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin có tốc độ cao, thế hệ mới, hiện đại có tính năng bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai kết nối và xử lý dữ liệu trong cơ quan. Thực hiện nâng cấp phần mềm quản lý sáng kiến cấp tỉnh để nâng cao hơn nữa chất lượng quản lý sáng kiến cấp tỉnh và phục vụ công tác đăng ký, tra cứu thông tin trực tuyến các sáng kiến cấp tỉnh; Nghiên cứu triển khai áp dụng phần mềm quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Áp dụng mã QR code trong công tác tra cứu thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ chuyên trách CNTT tham gia bồi dưỡng về ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CNTT; tập huấn kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh do các cơ quan chuyên môn tổ chức.

Thực hiện vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh phục vụ kết nối dữ liệu về thông tin nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia; nghiên cứu áp dụng phần mềm, công nghệ mới phù hợp, tối ưu trong việc xây dựng, triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tại tỉnh để hỗ trợ tổ chức, cá nhân nhận diện và truy xuất được nguồn gốc các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng, sản phẩm OCOP của tỉnh. Qua đó kiểm soát chặt chẽ tất cả các khâu: sản xuất, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ,... gắn với sản xuất theo chuỗi giá trị, nhằm bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao giá trị sản phẩm, hàng hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

4. Phát triển chính quyền số

Thực hiện cung cấp các dịch vụ của ngành KH&CN tới người dân bằng hình thức trực tuyến; hướng dẫn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học bằng hình thức trực tuyến.

Thực hiện chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ nhằm sắp xếp tài liệu một cách khoa học và số hóa, tích hợp lên hệ thống phần mềm, hỗ trợ tạo nguồn dữ liệu nền tảng

cho hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành KH&CN.

Triển khai mô hình “cơ quan số”, áp dụng công nghệ để kiểm soát toàn diện từ quản lý hành chính cho đến quản lý công việc; quản lý theo hình thức trực tiếp và liên kết ngành trong các hoạt động.

5. Công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong chuyển đổi số

Phối hợp với các đơn vị liên quan ưu tiên triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về chuyển đổi số có sử dụng các công nghệ tiên tiến ở các lĩnh vực y tế, giáo dục, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp,... phục vụ xây dựng kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang.

Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước xây dựng đô thị thông minh.

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng CNTT để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Có Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch: Ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

Chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Sở Thông tin và Truyền thông theo định kỳ (*trước ngày 20 của tháng cuối quý*).

Phối hợp với các phòng, đơn vị thuộc Sở xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

2. Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ

Chủ trì triển khai xây dựng tin bài tuyên truyền về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội và các hình thức phù hợp khác. Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của Sở trên môi trường mạng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ. Triển khai thực hiện Đề án phát triển Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến của tỉnh; Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 26/6/2021 của UBND tỉnh về phát triển nguồn tin KH&CN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên bằng hình thức điện tử; nâng cao việc thực hiện đánh giá, chấm điểm trên phần mềm đánh giá công tác xây dựng, áp

dụng Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001; triển khai, đơn đốc việc thực hiện Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/8/2020 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

4. Các phòng, đơn vị thuộc Sở

Căn cứ Kế hoạch xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch. Đồng thời báo cáo kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Văn phòng Sở theo định kỳ (*trước ngày 15 của tháng cuối quý*).

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của Sở KH&CN./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-KHCN ngày /01/2024 của Sở KH&CN)

STT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp
1	- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của Sở, Website của cơ quan. - Xây dựng, đăng tải chuyên mục, tin bài, tài liệu, dịch vụ công trực tuyến lên Cổng thông tin điện tử của Sở đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Nghị định 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	Trung tâm Ứng dụng KH&CN	Văn phòng Sở
2	Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số tại các cuộc họp giao ban định kỳ,...	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
3	- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%. - Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%.	Văn phòng Sở	Các tổ chức cá nhân nộp phí, lệ phí và các phòng, đơn vị thuộc Sở
4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) xử lý trực tuyến đạt trên 90%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
5	Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử đạt 100% (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật).	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
6	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại chỗ đạt 100%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
7	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đạt 100%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở

8	Trên 30% hoạt động kiểm tra của Sở được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Thanh tra Sở	Đối tượng được kiểm tra
9	Tiếp tục xây dựng hồ sơ cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
10	Rà soát, chỉnh sửa, ban hành kịp thời quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết thủ tục hành chính	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
11	Cử cán bộ tham gia các khoá đào tạo về chuyên đổi số, an toàn thông tin, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức chuyên đổi số,...	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
12	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Sở cài đặt và sử dụng VneID và định danh điện tử mức độ 2 đạt 100%; tỷ lệ sử dụng ứng dụng ngân hàng điện tử, ví điện tử hoặc của các tổ chức cho phép khác để thanh toán không dùng tiền mặt đạt 100%; tỷ lệ có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị thuộc Sở
13	Tổ chức đánh giá chấm điểm công tác xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 trên phần mềm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Các phòng, đơn vị thuộc Sở